

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 28/2025/DS-PT

Ngày: 06/8/2025.

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Lê Văn Thường**

ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: bà **Phạm Thị Nguyệt Minh**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2025/TLPT-DS ngày 18/4/2025 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 28/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Nguyễn Thanh Q** - sinh năm 1957; cư trú tại: **thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Đ, đặc khu L, tỉnh Quảng Ngãi)**. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông **Từ Văn Q1** và ông **Phạm T** - Luật sư của **Văn phòng L7** thuộc **Đoàn Luật sư thành phố Đ**. Các Luật sư đều có mặt.

2. Bị đơn: ông **Mai Thiện Đ** - sinh năm 1958; cư trú tại: **thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Đ, đặc khu L, tỉnh Quảng Ngãi)**. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông **Mai Văn N** - sinh năm 1970 (văn bản ủy quyền ngày 29/01/2024); cư trú tại: **thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Đ, đặc khu L, tỉnh Quảng Ngãi)**. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1958;

3.2. Ông Nguyễn Thế V - sinh năm 1982;

3.3. Bà Nguyễn Thị T1 - sinh năm 1983;

3.4. Cháu Nguyễn Bá T2 - sinh năm 2012;

3.5. Cháu Nguyễn Thị Bảo T3 - sinh năm 2015;

Cùng cư trú tại: thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Đ, đặc khu L, tỉnh Quảng Ngãi). Ông V có mặt; bà L và bà T1 vắng mặt.

- Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Bá T2 và cháu Nguyễn Thị Bảo T3: ông Nguyễn Thế V và bà Nguyễn Thị T1 (cha, mẹ đẻ của cháu T2 và cháu T3). Ông V có mặt, bà T1 vắng mặt.

3.6. Bà Mai Thị Ngọc L1 - sinh năm 1950; cư trú tại: K đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là K đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng). Vắng mặt.

3.7. Ông Mai Tiến D - sinh năm 1969 (chết ngày 07/10/2024).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Mai Tiến D:

- Bà Nguyễn Thị S - sinh năm 1966;

- Anh Mai Trung N1 - sinh năm 1994;

- Anh Mai Phú T4 - sinh năm 2004;

Cùng cư trú tại: K đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là K đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S, anh Mai Trung N1 và anh Mai Phú T4: ông Mai Văn N - sinh năm 1970 (văn bản ủy quyền ngày 23/12/2024); cư trú tại: thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Đ, đặc khu L, tỉnh Quảng Ngãi). Có mặt.

3.8. Ông Mai Thanh L2 - sinh năm 1957; cư trú tại: nhà E khu V, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là nhà E khu V, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.9. Bà Mai Thị Kim T5 - sinh năm 1959;

3.10. Bà Mai Thị Hạnh Đ1 - sinh năm 1964;

3.11. Ông Mai Văn S1 - sinh năm 1963;

3.12. Ông Mai Văn N - sinh năm 1970;

3.13. Ông Mai Chí H - sinh năm 1972;

Cùng cư trú tại: thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Đ, đặc khu L, tỉnh Quảng Ngãi). Ông N và ông S1 có mặt; bà T5 và ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Đ1 vắng mặt.

3.14. Ông Mai Phước T6 - sinh năm 1975; cư trú tại: số C T, khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 302/43 T, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.15. Ông Nguyễn Văn T7 - sinh năm 1965; cư trú tại: khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là khu phố C, phường B, Thành

phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

3.16. Ông Nguyễn Văn K - sinh năm 1976;

3.17. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan S2 - sinh năm 1977;

Cùng cư trú tại: số B đường L, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là số B đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông K, bà S2 đều vắng mặt.

3.18. Bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1950;

3.19. Bà Nguyễn Thị N2 - sinh năm 1954;

3.20. Ông Nguyễn Bá T8 - sinh năm 1967;

3.21. Ông Nguyễn Bá T9 - sinh năm 1968;

3.22. Bà Nguyễn Thị T10 - sinh năm 1970;

3.23. Ông Nguyễn Tấn P1 - sinh năm 1976;

Cùng cư trú tại: thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Đ, đặc khu L, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

3.24. Bà Nguyễn Thị L3 - sinh năm 1958;

3.25. Bà Nguyễn Thị M1 - sinh năm 1966;

Cùng cư trú tại: thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Đ, đặc khu L, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

3.26. Bà Nguyễn Thị H1 - sinh năm 1962; cư trú tại: hẻm B đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là hẻm B đường T, phường N, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

3.27. Bà Nguyễn Thị H2 - sinh năm 1975; cư trú tại tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là tổ dân phố L, phường S, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

3.28. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Q và bị đơn ông Mai Thiện Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2022; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 17/10/2022 và ngày 10/11/2022; các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh Q do bà Võ Thị Thủy T11 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông, bà nội của ông Nguyễn Thanh Q là cố Nguyễn Văn H3 (tên gọi khác là Nguyễn H3) và cố Bùi Thị N3 (tên gọi khác là Bùi Thị Ú).

Cố Huệ và cố N3 có 03 người con là cụ Nguyễn Thị D1 (chết năm 2017), cụ Nguyễn N4 (chết năm 2012) và cụ Nguyễn V1 (chết năm 2016).

Cụ Nguyễn Thị D1 có chồng là cụ Mai M2 (chết năm 2006). Cụ D1 và cụ M2 có 10 người con, gồm: các ông, bà Mai Thị Ngọc L1, Mai Tiến D, Mai

Thanh L2, Mai Thị Kim T5, Mai Thị Hạnh Đ1, Mai Văn S1, Mai Văn N, Mai Chí H, Mai Phước T6, Mai Thiện Đ.

Cụ Nguyễn N4 có vợ là cụ Trương Thị C (chết năm 2007). Cụ N4 và cụ C có 11 người con, gồm: các ông, bà Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Bá T8, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Bá T9, Nguyễn Thị T10, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Tấn P1, Nguyễn Thanh Q.

Cụ Nguyễn V1 có vợ là cụ Trần Thị L4 (chết năm 2016). Cụ V1 và cụ L4 có 03 người con, gồm: các ông, bà Nguyễn Văn T7, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Ngọc Lan S2.

Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 51, diện tích 260,2m² (ông Q thống nhất ranh giới theo sự chỉ dẫn của ông Nguyễn Văn D2 là hộ liền kề phía Đông thửa đất số 65, theo đo đạc thực tế có diện tích 245,6m²) tại thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Đ, đặc khu L, tỉnh Quảng Ngãi) được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị L vào ngày 21/02/2022 là của cố Nguyễn Văn H3 và cố Bùi Thị N3. Năm 1965, cụ N4 có xây cho cố H3 và cố N3 một ngôi nhà để ở, thờ cúng ông, bà tổ tiên. Năm 1976, cố Nhe chết; năm 1978, cố H3 chết; nhà, đất không ai ở mà chỉ để thờ cúng. Năm 1980, cụ N4 nói ông Q chuyển về ở và chăm lo thờ cúng ông, bà nên vợ chồng ông Q, bà L chuyển về sinh sống, quản lý, sử dụng thửa 65, không ai tranh chấp. Năm 1998, cụ Đ1, cụ V1, cụ N4, cụ C cùng ông Q lập Biên bản thuận ưng đề ngày 19/10/1998 có nội dung giao toàn bộ nhà, đất gắn liền với thửa đất số 65 cho ông Q, bà L tiếp tục quản lý, sử dụng lo hương khói phụng sự tổ tiên. Đến năm 2010, con trai của ông Q là ông Nguyễn Thế V lập gia đình, chưa có chỗ ở ổn định nên ông Q, bà L đồng ý để vợ chồng ông Nguyễn Thế V, chị Nguyễn Thị T1 cùng sinh sống với ông Q, bà L tại thửa đất số 65.

Cuối năm 2019, khi ông Q và bà L làm công ngõ thì ông Mai Thiện Đ đến cản trở không cho làm vì cho rằng thửa đất số 65 là của tộc họ M1. Ông Q, bà L không đồng ý mà vẫn tiến hành làm và đã hoàn thiện đưa vào sử dụng lối đi này. Sau đó, ông Đ gửi đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, được Ủy ban nhân dân xã A hòa giải vào ngày 25/4/2020 nhưng không thành. Do ông Đ không có bất kỳ khiếu nại hay yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nên cuối năm 2021, ông Q đã đăng ký, kê khai và ngày 21/02/2022, Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 65 cho ông Q, bà L.

Vì ngôi nhà xuống cấp trầm trọng, không thể sử dụng được nên ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Q phá dỡ ngôi nhà cũ và nộp hồ sơ xin cấp Giấy phép xây dựng, đồng thời đã mua vật liệu xây dựng tập kết tại thửa đất số 65. Ngày 13/3/2022, ông Đ tiếp tục có đơn khiếu nại đến Ủy

ban nhân dân huyện L về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái quy định pháp luật cho ông Q, bà L.

Khoảng cuối tháng 7/2022, ông Q nhận được Thông báo số 275/TB-UBND ngày 08/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy trình (đất đang có tranh chấp). Ngày 17/8/2022, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 1655/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Q, bà L. Sau khi nộp đơn khởi kiện, ông Q nhận được Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Q, bà L đối với thửa đất số 65.

Ông Q, bà L đã quản lý, sử dụng ổn định lâu dài thửa đất số 65 khi có sự thống nhất của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cố H3 và cố N3, đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Q thừa nhận thửa đất được định đoạt trong Biên bản thuận ưng chính là thửa đất số 65.

Do đó, ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Xác định cho ông Q, bà L được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 65;
- Hủy Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 và hủy Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện L.

** Tại Bản trình bày ý kiến đề ngày 03/12/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Mai Thiện Đ do ông Mai Văn N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Về quan hệ huyết thống: ông Mai Thiện Đ thống nhất như ông Nguyễn Thanh Q trình bày.

Nguyên thửa đất số 65 là của cụ Ma T12 và cụ Ma Thị G. Khi còn sống, ông, bà ngoại của ông Đ là cố Nguyễn H3 và cố Bùi Thị N3 (tên gọi khác là Bùi Thị Ú) xin làm nhà ở tạm trên đất của cụ T12, cụ G. Sau đó, cụ G không cho ở nữa. Thấy cố H3 và cố Nhe khó khăn, không có chỗ ở ổn định nên cha, mẹ của ông Đ là cụ Nguyễn Thị D1 và cụ Mai M2 đã mua ngôi nhà và đổi đất cho cụ T12, cụ G được thể hiện tại Giao kèo đổi đất ngày 29/4/1974 và đồng ý để cố H3, cố N3 ở tạm đến khi mua đất, làm nhà sẽ chuyển đi nơi khác. Sau năm 1975, cố H3 và cố Ú đã mua đất của ông Nguyễn N5 nhưng chưa kịp làm nhà thì cố Nhe chết; cố Huệ tuổi già, sức yếu lại bị bệnh nên cụ D1, cụ M2 thống nhất để cố H3 ở đến hết đời. Sau khi cố H3 chết, nhà bỏ không, không có người ở, cụ D1 cho con gái là bà Mai Thị Ngọc L1 ở một thời gian khoảng từ năm 1979 - 1982, sau đó chuyển đi nơi khác. Cụ D1, cụ M2 tiếp quản đến khoảng năm 1983, cụ N4 xin cụ D1 và cụ M2 cho ông Q ở để lo hương khói cho ông, bà. Cụ D1, cụ M2 chỉ cho ông Q ở tạm, còn phần đất trống của thửa đất số 65,

cụ **D1** vẫn là người quản lý, sử dụng trồng cây thuốc để ăn trầu.

Thửa đất số 65 chính là phần đất được thể hiện trong Giấy Giao kèo đổi đất và mục I của Biên bản thuận ưng. Ông **Đ** thống nhất diện tích thửa đất số 65 theo đo đạc thực tế là 245,6m².

Ông **Q** không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất số 65 là của ông nên ông **Đ** không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Q**.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Các ông, bà **Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Bá T8, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Bá T9, Nguyễn Thị T10, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Tấn P1** cùng trình bày: các ông, bà là con cụ **Nguyễn N4** và cụ **Trương Thị C**; là anh, chị, em của ông **Nguyễn Thanh Q**. Các ông, bà thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông **Q**, không bổ sung gì thêm.

- Bà **Nguyễn Thị L** và ông **Nguyễn Thế V** do bà **Võ Thị Thủy T11** đại diện theo ủy quyền trình bày: bà **Nguyễn Thị L** là vợ của ông **Nguyễn Thanh Q**, ông **Nguyễn Thế V** là con của ông **Q**. Bà **L**, ông **V** thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông **Q**, không bổ sung gì thêm.

- Bà **Nguyễn Thị T1** trình bày: bà là vợ của ông **Nguyễn Thế V**, là con dâu của ông **Nguyễn Thanh Q** và bà **Nguyễn Thị L**. Bà thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông **Q**, không bổ sung gì thêm.

- Các ông, bà **Mai Thị Ngọc L1, Mai Tiến D (khi còn sống), Mai Thanh L2, Mai Thị Kim T5, Mai Thị Đ1, Mai Văn S1, Mai Văn N, Mai Chí H, Mai Phước T6** cùng trình bày: các ông, bà là con cụ **Nguyễn Thị D1** và cụ **Mai M2**; là anh, chị, em của ông **Mai Thiện Đ**. Các ông, bà thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông **Đ**; không thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông **Nguyễn Thanh Q**; các ông, bà không bổ sung gì thêm.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông **Mai Tiến D** là bà **Nguyễn Thị S** và các anh **Mai Phú T4, Mai Trung N1** do ông **Mai Văn N** trình bày: bà **Nguyễn Thị S** và các anh **Mai Phú T4, Mai Trung N1** là vợ, con của ông **Mai Tiến D**. Bà **S** và các anh **T4, N1** thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông **Mai Thiện Đ**; không thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông **Nguyễn Thanh Q**. Ngoài ra, bà **S** và các anh **T4, N1** không bổ sung hay yêu cầu gì khác.

- Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng các ông, bà **Nguyễn Văn T7, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Ngọc Lan S2** không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Thanh Q** và ông **Mai Thiện Đ**.

- Ủy ban nhân dân huyện **L** có ý kiến như sau: trong quá trình giải quyết tranh chấp, ông **Nguyễn Thanh Q** không cung cấp được một trong các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013. Do vậy, việc ông **Nguyễn Thanh Q** yêu cầu xác định ông được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số

65, diện tích 260,2m², tờ bản đồ số 51, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi là chưa đủ cơ sở. Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị L có số phát hành CU537650, sổ vào sổ cấp GCN CH10419 ngày 21/02/2022 là đúng quy định.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc hủy Quyết định số 6155/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 và Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện L. Việc xác định quyền sử dụng thửa đất số 65 thuộc về cá nhân nào, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 28/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, 37, 147, 157, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 232, 233, 237 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 163, 164, 166, 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 99, 100, 166 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Thanh Q: xác định ông Nguyễn Thanh Q và bà Nguyễn Thị L được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng 81,86m² đất cùng tài sản gắn liền với đất (ký hiệu S1) thuộc một phần thửa đất số 65, diện tích 245,6m², tờ bản đồ số 51, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi được giới hạn bởi các điểm T1-T2-T3-6-16-17-9-10-T1.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Thanh Q về việc xác định cho ông Nguyễn Thanh Q và bà Nguyễn Thị L được quyền quản lý, sử dụng 163,74m² đất thuộc một phần thửa đất số 65, tờ bản đồ số 51, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Mai Thiện Đ: xác định ông Mai Thiện Đ được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng 163,74m² đất cùng tài sản gắn liền với đất (ký hiệu S2) thuộc một phần thửa đất số 65, tờ bản đồ số 51, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-T3-T2-T1-11-12-13-14-15-1.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Mai Thiện Đ về việc xác định cho ông Mai Thiện Đ được quyền quản lý, sử dụng 81,86m² đất thuộc một phần thửa đất số 65, tờ bản đồ số 51, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

(Phần đất ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị L và ông Mai Thiện Đ được quyền quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo bản án và là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có trách nhiệm đến cơ

quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai phân đất được quyền quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông **Nguyễn Thanh Q** hủy Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 và Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CU 537650, sổ vào sổ cấp GCN: CH 10419 cấp cho ông **Nguyễn Thanh Q**, bà **Nguyễn Thị L** đối với thửa đất số 65, diện tích 260,2m², tờ bản đồ số 51, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21/02/2022.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/3/2025, bị đơn ông **Mai Thiện Đ** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 21/3/2025, ông **Mai Thiện Đ** có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý giao cho nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh Q** diện tích đất 81,86m² đất. Đề nghị giao toàn bộ thửa đất cho ông.

Ngày 12/3/2025, nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh Q** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh Q** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông **Mai Thiện Đ** là ông **Mai Văn N** giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Luật sư **Từ Văn Q1** và Luật sư **Phạm T** bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh Q** cho rằng văn bản giao kèo đổi đất ngày 29/4/1974 không có cơ sở pháp lý, không có việc ông **Mai M2** mua nhà và đổi đất với cụ **T12**, cụ **G**. Ông **Q** quản lý, sử dụng thửa đất số 65 từ năm 1980 ổn định cho đến nay. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông **Q**, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Q**.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Có cơ sở xác định thửa đất số 65 là của cha, mẹ bị đơn ông **Mai Thiện Đ**. Cha, mẹ nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh Q** đã thừa nhận cụ **Mai M2** chuyển đổi đất cho cụ **G** và cụ **T12**, hai bên đã giao nhận xong để ngôi nhà được tồn tại trên mảnh đất này. Biên bản thuận ưng lập ngày 19/10/1998 không có cụ **Mai M2** ký là không đúng. Xét án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh Q** và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Mai Thiện Đ**, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 28/02/2025 của

Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ huyết thống: cố **Nguyễn Văn H3** (tên gọi khác: **Nguyễn H3**) và cố **Bùi Thị N3** (tên gọi khác: **Bùi Thị Ú**) là ông, bà nội của nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh Q**, đồng thời cũng là ông, bà ngoại của bị đơn ông **Mai Thiện Đ**. Cố Huệ và cố **N3** có 03 người con, gồm: cụ **Nguyễn Thị D1** (chết năm 2017), cụ **Nguyễn N4** (chết năm 2012) và cụ **Nguyễn V1** (chết năm 2016).

Cụ **Nguyễn Thị D1** có chồng là cụ **Mai M2** (chết năm 2006). Cụ **D1** và cụ **M2** có 10 người con, gồm: các ông, bà **Mai Thị Ngọc L1**, **Mai Tiến D**, **Mai Thanh L2**, **Mai Thị Kim T5**, **Mai Thị Hạnh Đ1**, **Mai Văn S1**, **Mai Văn N**, **Mai Chí H**, **Mai Phước T6**, **Mai Thiện Đ**. Cụ **Nguyễn N4** có vợ là cụ **Trương Thị C** (chết năm 2007). Cụ **N4** và cụ **C** có 11 người con, gồm: các ông, bà **Nguyễn Thị P**, **Nguyễn Thị N2**, **Nguyễn Thị L3**, **Nguyễn Thị H1**, **Nguyễn Bá T8**, **Nguyễn Thị M1**, **Nguyễn Bá T9**, **Nguyễn Thị T10**, **Nguyễn Thị H2**, **Nguyễn Tấn P1**, **Nguyễn Thanh Q**. Cụ **V1** có vợ là cụ **Trần Thị L4** (chết năm 2016). Cụ **V1** và cụ **L4** có 03 người con, gồm: các ông, bà **Nguyễn Văn T7**, **Nguyễn Văn K**, **Nguyễn Thị Ngọc Lan S2**.

[2] Về nguồn gốc tài sản tranh chấp:

[2.1] Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 15/9/2023, ông **Nguyễn T13** (con đẻ của cụ **Mai Thị G1** và cụ **Nguyễn V**), ông **Mai C1** (con đẻ của cụ **Mai T14** và cụ **Phạm Thị C2**) đều xác định phần đất được thể hiện tại mục I Biên bản thuận ưng đề ngày 19/10/1998 và Giao kèo đổi đất đề ngày 29/4/1974 chính là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 51, diện tích đo đạc thực tế 245,6m² tọa lạc tại **thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi** (nay là **thôn Đ, đặc khu L, tỉnh Quảng Ngãi**) và có nguồn gốc của cụ **Mai T14** và cụ **Mai Thị G1** đổi đất cho cụ **Nguyễn Thị D1** và cụ **Mai M2**. Tại Đơn trả lời ý kiến đề ngày 26/10/2023, các ông, bà **Mai G2**, **Mai Văn M3**, **Mai Thị T15**, **Mai Thị V2**, **Mai Thị T16**, **Mai Thị H4**, **Mai Thị S3**, **Mai Thị T17** (cháu nội của cụ **Mai T14**) cũng xác định có việc đổi đất giữa cụ **Mai T14** và cụ **Mai Thị G1** với cụ **Nguyễn Thị D1** và cụ **Mai M2**, nay chính là thửa đất số 65. Các ông, bà là con và cháu của cụ **T14**, cụ **G1** đều xác định không có ý kiến hay tranh chấp đối với thửa đất số 65.

[2.2] Tại Biên bản thuận ưng ngày 19/10/1998 thể hiện cụ **Nguyễn N4** (cha của ông **Nguyễn Thanh Q**) xác nhận ngôi nhà của cố **Nguyễn Văn H3** và cố **Bùi Thị N3** làm trên đất của cụ **Mai Thị G1** và cụ **Mai T14**. Sau đó, cụ **Mai M2** (cha của ông **Mai Thiện Đ**) đem đất của mình đổi lấy thửa đất của cụ **G1** và cụ **T14** để ngôi nhà được tồn tại trên mảnh đất này. Như vậy, tại Biên bản này cụ **N4** đã

xác nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 65 là của ông **Mai M2**. Ngoài ra, tại công văn số 2231/UBND ngày 06/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện L cũng thể hiện: thửa đất số 65 trước năm 1975 là thửa đất của cụ **Mai Thị G1** sử dụng; sau năm 1975, cố **Nguyễn H3** và cố **Bùi Thị Ú** xin làm nhà ở trên thửa đất của cụ **Mai Thị G1**. Sau khi cố **H3** và cố **Ú** qua đời, cụ **Nguyễn Thị D1** có cho bộ đội về ở khoảng ba năm (1979-1981). Sau đó, vợ chồng bà **Mai Thị Ngọc L1** (con của cụ **D1**, đồng thời là cháu ngoại của cố **H3**, cố **Ú**) tiếp tục về ở một thời gian. Tại phiên toà sơ thẩm, các đương sự đều thừa nhận: nguồn gốc thửa đất số 65 là của cụ **Mai T14** và cụ **Mai Thị G1** đổi đất cho cụ **Nguyễn Thị D1** và cụ **Mai M2** theo Giao kèo đổi đất ngày 29/4/1974, giới cận phần đất được thể hiện trong Giao kèo đổi đất chính là phần đất được thể hiện tại mục I Biên bản thuận ưng và cũng chính là thửa đất số 65.

[2.3] Nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh Q** chỉ căn cứ vào Biên bản thuận ưng ngày 19/10/1998 đề yêu cầu Tòa án xác định quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 65. Ngoài căn cứ nêu trên, ông **Q** không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác đối với thửa đất số 65. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng án sơ thẩm xác định thửa đất số 65 là của vợ, chồng cụ **Nguyễn Thị D1** và cụ **Mai M2** (cha, mẹ của bị đơn ông **Mai Thiện Đ**) là có cơ sở.

[2.4] Về quá trình sử dụng thửa đất số 65: ông **Q** cho rằng vợ, chồng ông quản lý sử dụng ổn định nhà, đất nêu trên từ năm 1980 cho đến khi có tranh chấp vào năm 2019 nhưng ông **Q** không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh gia đình ông quản lý sử dụng từ năm 1980. Xét tại Báo cáo số 08/BC-UBKT-TTH ngày 05/5/2022 của Cơ quan Ủy ban kiểm tra - Thanh tra huyện L và Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông **Mai Thiện Đ** đều có nội dung: thửa đất số 65 của cụ **Ma T12** (các đương sự đều thừa nhận họ Ma và họ **M1** là một) và cụ **Mai Thị G1**, cố **Nguyễn H3** và cố **Bùi Thị Ú** xin làm nhà trên thửa đất số 65 để ở. Sau đó, cụ **Mai M2** lấy đất rừng tại **B** của mình đổi lấy thửa đất số 65 của cụ **T12**, cụ **G1** và tiếp tục cho cố **H3**, cố **Ú** ở cho đến khi qua đời. Xét ngày 19/10/1998, cụ **D1**, cụ **N4**, cụ **V1** lập Biên bản thuận ưng cho ông **Q**, điều đó thể hiện cụ **D1** vẫn đang quản lý, sử dụng thửa đất số 65 nên việc ông **Q** yêu cầu Hội đồng xét xử xác định quyền sử dụng đất hợp pháp theo thời hiệu cho vợ, chồng ông theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh Q** yêu cầu Tòa án công nhận cho vợ, chồng ông được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 65 là không thể chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo của bị đơn ông **Mai Thiện Đ** với nội dung yêu cầu xác định cho ông được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 65. Hội đồng xét xử thấy: ông **Đ** thừa nhận chữ ký trong Biên bản thuận ưng

là của cụ **D1**, chứng tỏ khi còn sống cụ **D1** đã đồng ý giao ngôi nhà gắn liền với đất thuộc một phần thửa đất số 65 cho ông **Q** quản lý, sử dụng là phù hợp với thực tế sử dụng đất của gia đình ông **Q**. Xét thửa đất số 65 là tài sản chung hợp nhất của vợ, chồng cụ **Nguyễn Thị D1** và cụ **Mai M2** nhưng ngày 19/10/1998, chỉ một mình cụ **D1** định đoạt thửa đất số 65 cho ông **Q** trong khi chưa có ý kiến của cụ **Mai M2** là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 237 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Tuy nhiên, do ý chí của cụ **D1** đã cho phần diện tích đất có ngôi nhà cho ông **Q** ở nên án sơ thẩm chấp nhận cho ông **Q** được quyền quản lý, sử dụng đất với diện tích 81,86m² thuộc một phần thửa đất số 65 là hợp tình, hợp lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **D**.

[4] Do tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 537650 ngày 21/02/2022 của Ủy ban nhân dân huyện **L** đối với thửa đất số 65 cho ông **Q**, bà **L1** là đang có tranh chấp, nhưng Ủy ban nhân dân huyện **L** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, ngày 17/8/2022, Ủy ban nhân dân huyện **L** ban hành Quyết định số 1655/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông **Q** và bà **L1** là đúng. Do ông **Q** và bà **L1** không giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 30/8/2022, Ủy ban nhân dân huyện **L** ban hành Quyết định số 1741/QĐ-UBND về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 537650 ngày 21/02/2022 đã cấp cho ông **Q**, bà **L1** là chính xác. Xét việc Ủy ban nhân dân huyện **L** ban hành các Quyết định Quyết định số 1655/QĐ-UBND và Quyết định số 1741/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy các Quyết định nêu trên của nguyên đơn ông **Q**.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Q**, xác định ông **Q** và bà **L1** được quyền quản lý, sử dụng diện tích 81,86m² đất (ký hiệu S1) thuộc một phần thửa đất số 65, không chấp nhận yêu cầu của ông **Q** về việc hủy Quyết định số 1655/QĐ-UBND và Quyết định số 1741/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện **L**; chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn ông **D**, xác định ông **D** được quyền quản lý, sử dụng diện tích 163,74m² đất (ký hiệu S2) là có căn cứ, hợp tình, hợp lý. Tại phiên toà phúc thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông **Q** và bị đơn ông **D** cũng như lời trình bày của các Luật sư; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Do toàn bộ nội dung kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông

[Nguyễn Thanh Q](#) và ông [Mai Thiện Đ](#) đều phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng xét, ông [Q](#) và ông [Đ](#) đều là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông [Nguyễn Thanh Q](#) và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông [Mai Thiện Đ](#); giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 28/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng các Điều 232, 233, 237 của Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 163, 164, 166, 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 99, 100, 166 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông [Nguyễn Thanh Q](#): xác định ông [Nguyễn Thanh Q](#), bà [Nguyễn Thị L](#) được quyền quản lý, sử dụng 81,86m² đất và được sở hữu tài sản gắn liền với đất (ký hiệu S1) thuộc một phần thửa đất số 65, diện tích 245,6m², tờ bản đồ số 51, [huyện L, tỉnh Quảng Ngãi \(nay là đặc khu L, tỉnh Quảng Ngãi\)](#) được giới hạn bởi các điểm T1-T2-T3-6-16-17-9-10-T1.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông [Nguyễn Thanh Q](#) về việc xác định cho ông [Nguyễn Thanh Q](#) và bà [Nguyễn Thị L](#) được quyền quản lý, sử dụng 163,74m² đất thuộc một phần thửa đất số 65, tờ bản đồ số 51, [huyện L, tỉnh Quảng Ngãi \(nay là đặc khu L, tỉnh Quảng Ngãi\)](#).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn ông [Mai Thiện Đ](#): xác định ông [Mai Thiện Đ](#) được quyền quản lý, sử dụng 163,74m² đất và được sở hữu tài sản gắn liền với đất (ký hiệu S2) thuộc một phần thửa đất số 65, tờ bản đồ số 51, [huyện L, tỉnh Quảng Ngãi \(nay là đặc khu L, tỉnh Quảng Ngãi\)](#) được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-T3-T2-T1-11-12-13-14-15-1.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn ông [Mai Thiện Đ](#) về việc xác định cho ông [Mai Thiện Đ](#) được quyền quản lý, sử dụng 81,86m² đất thuộc

một phần thửa đất số 65, tờ bản đồ số 51, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (nay là đặc khu L, tỉnh Quảng Ngãi).

(Phần đất ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị L và ông Mai Thiện Đ được quyền quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo Bản án).

Các bên đương sự có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai phần đất được quyền quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

5. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Q về việc yêu cầu Toà án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 537650, sổ vào sổ cấp GCN: CH 10419 ngày 21/02/2022 đối với thửa đất số 65, diện tích 260,2m², tờ bản đồ số 51, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 537650, sổ vào sổ cấp GCN: CH 10419 ngày 21/02/2022 cấp cho ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 65, diện tích 260,2m², tờ bản đồ số 51, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Án phí phúc thẩm: miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Thanh Q và ông Mai Thiện Đ.

7. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên

